

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 5689/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội trên cơ sở trường trung học Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1410 /QĐ-UBND ngày 27/03/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc Quy định về chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ Trường Cao đẳng ban hành theo thông tư số 46/2016/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và xã hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành 10 chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2018 - 2019.

Điều 3. Các Phòng, Khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTB&XH (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Đàm Văn Hương

DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH KHUNG HỆ CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 247/QĐ-TMDL ngày 15 tháng 08 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
1	Ngành Quản trị khách sạn
2	Ngành Kỹ thuật chế biến món ăn
3	Ngành Phiên dịch Tiếng Anh thương mại
4	Ngành Phiên dịch Tiếng Anh du lịch
5	Ngành Thương mại điện tử
6	Ngành Quản trị kinh doanh
7	Ngành Kế toán
8	Ngành Kinh doanh thương mại
9	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
10	Ngành Tiếng Anh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 247 /QĐ-TMDL ngày 15 tháng 08 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành: Quản trị khách sạn

Mã ngành: 6810201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo các nhà quản trị khách sạn, có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh và sức khỏe tốt; Có những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và kinh doanh, về chức năng, quá trình kinh doanh và quản trị ở các doanh nghiệp, nắm vững những kiến thức chuyên sâu về ngành và chuyên ngành khách sạn; có kỹ năng nghề nghiệp để vận dụng trong kinh doanh nói chung và thực hành tốt một số công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực đào tạo; có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế.

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc ngành Quản trị khách sạn theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

* Về kiến thức:

- Nhận biết được kiến thức cơ bản của các môn học đại cương; các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ lễ tân khách sạn: Vị trí, vai trò, các quy trình nghiệp vụ của nhân viên lễ tân khách sạn

- Nêu được các công việc cụ thể đối với nhân viên phục vụ nhà hàng. Phân tích được quy trình phục vụ khách ăn uống theo các thực đơn và các kỹ thuật phục vụ bàn.

- Trình bày được các kiến thức chung về các loại đồ uống, phương pháp và kỹ thuật pha chế các loại đồ uống cơ bản

- Nêu được các yêu cầu đối với nhân viên phục vụ buồng, các nguyên tắc, yêu cầu và kỹ thuật về sinh buồng khách và khu vực chung khách trong khách sạn. Phân tích được quy trình phục vụ khách lưu trú tại khách sạn.

- Trình bày được các khái niệm, vai trò về kinh doanh khách sạn. Liệt kê được cơ sở vật chất cơ bản trong khách sạn. Phân tích được các nội dung của quản trị kinh doanh khách sạn.

*** Về kỹ năng:**

- Phục vụ được khách ăn uống tại nhà hàng khách sạn theo thực đơn.

- Thực hiện được quy trình phục vụ khách của bộ phận lễ tân: thực hiện các bước đặt buồng cho khách, làm thủ tục nhận buồng, thanh toán tiền khách và các nghiệp vụ cơ bản của nhân viên lễ tân Hình thành cho người học kỹ năng nghề nghiệp của nghiệp vụ lễ tân hành như: th

- Thực hiện các thao tác chuẩn bị, vệ sinh buồng khách cũng như các công việc của người nhân viên phục vụ buồng.

- Sắp đặt quầy bar trong nhà hàng khách sạn, nhận biết các loại đồ uống trong bar. Pha chế được các loại đồ uống cơ bản hiện nay trong nhà hàng khách sạn.

- Có khả năng tổ chức điều hành tại các bộ phận phục vụ trong khách sạn.

*** Về thái độ:**

- Có tác phong nhanh nhẹn trong phục vụ

- Có thái độ phục vụ lịch sự, chu đáo

- Rèn luyện cho người học lòng yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật.

- Có khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên đủ khả năng đảm nhiệm được ở vị trí nhân viên lễ tân, buồng phòng, nhân viên phục vụ nhà hàng, nhân viên phục vụ hội nghị. Tùy theo khả năng cá nhân, kinh nghiệm thực tiễn, môi trường công tác và loại hình khách sạn, sinh viên có khả năng đảm đương các vị trí công tác cao hơn như giám sát bộ phận lễ tân, buồng, nhà hàng hoặc quản lý khách sạn nhỏ.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học: 30

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.700 giờ

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 450 giờ

- Khối lượng các môn học: 2.250 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 793 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm 1.907 giờ.

- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã môn	Tên môn học	TC Môn học	Thời gian học tập (giờ)				
				TC	Tổng số	Trong đó		
						Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung/đại cương		16	450	202	223	25
MH1	CBCT017	Chính trị	L/Thuyết	5	90	62	24	4
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	2	30	19	9	2
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết		60	4	50	6
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh	L/Thuyết		75	36	36	3
MH5	CNTH017	Tin học	T/Hợp	3	75	17	54	4
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	3	60	32	25	3
MH6	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	3	60	32	25	3
	II	Các môn học đào tạo ngành		65	1620	491	1054	75
	II.1	Các môn học cơ sở ngành		9	135	96	31	8
MH7	CBLD017	Luật du lịch	L/Thuyết	2	30	23	5	2
MH8	KDQH017	Quản trị học	L/Thuyết	2	30	21	7	2
MH9	CBTD017	Thống kê du lịch	L/Thuyết	3	45	29	14	2
MH10	DLVH017	Văn hóa doanh nghiệp DLKS	L/Thuyết	2	30	23	5	2
	II.2	Các môn học chuyên môn ngành		50	1365	345	960	60
MH11	DLKD017	Kinh tế du lịch	L/Thuyết	3	45	31	11	3
MH12	DLMD017	Marketing du lịch	L/Thuyết	3	45	32	10	3
MH13	DLTL017	Tâm lý du lịch	L/Thuyết	2	30	22	6	2
MH14	DLGD017	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	L/Thuyết	2	30	16	12	2
MH15	DLTT017	Thanh toán quốc tế trong du lịch	L/Thuyết	2	30	18	10	2
MH16	DLLT117	Nghiệp vụ Lễ tân 1	L/Thuyết	3	60	30	27	3
MH17	DLLT217	Nghiệp vụ Lễ tân 2	T/Hành	4	180	10	162	8
MH18	DLNH117	Nghiệp vụ Nhà hàng 1	L/Thuyết	3	45	30	12	3
MH19	DLNH217	Nghiệp vụ Nhà hàng 2	T/Hành	4	180	10	162	8
MH20	DLBU117	Nghiệp vụ Buồng 1	L/Thuyết	2	30	23	5	2
MH21	DLBU217	Nghiệp vụ phục vụ Buồng 2	T/Hành	2	90	10	75	5
MH22	DLBA017	Nghiệp vụ Bar	T/Hành	3	135	10	120	5
MH23	DLQS117	Quản trị kinh doanh khách sạn 1	L/Thuyết	3	45	31	11	3
MH24	DLQS217	Quản trị kinh doanh khách sạn 2	L/Thuyết	3	60	30	27	3
MH25	NNAK117	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị khách sạn	L/Thuyết	3	45	32	10	3
MH26	NNAK217	Thực hành tiếng Anh chuyên ngành quản trị khách sạn	T/Hành	3	90	10	75	5
MH27	DLCS017	Thực hành nghề nghiệp tại cơ sở	T/Hành	5	225		225	
	II.3	Môn học tự chọn		6	120	50	63	7
MH28	DLPM017	Phần mềm quản lý khách sạn	L/Thuyết	2	45	14	28	3
MH29	DLTH017	Tổ chức hội nghị hội thảo	L/Thuyết	2	45	15	28	2
MH30	DLGK017	Giám sát khách sạn	L/Thuyết	2	30	21	7	2
	DLTN017	Thực tập tốt nghiệp		14	630	0	630	
		Tổng		95	2700	693	1907	100

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo ngành khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được vượt quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khoá;

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Thực hành nghề tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế;

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (tùy từng đợt thực hành) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 247/QĐ-TMDL ngày 15 tháng 08 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành: Kỹ thuật chế biến món ăn

Mã ngành: 6810207

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT và tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo ra những đầu bếp có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, có những kiến thức và kỹ năng cơ bản về chuyên môn ngành học chế biến, có khả năng ngoại ngữ, tin học, pháp luật giúp người học có thể tự học, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp. Vị trí ra trường có thể làm việc trực tiếp, trưởng nhóm, trưởng ca, bếp trưởng hay quản lý bộ phận bếp.

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc ngành Kỹ thuật chế biến món ăn theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- **Kiến thức**

+ Nhận biết được kiến thức cơ bản của các môn học đại cương; các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

+ Người học được trang bị các kiến thức về kinh doanh ăn uống, tổ chức, chế biến các món ăn tại các khách sạn, nhà hàng và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác với các hình thức phục vụ ăn uống đa dạng. Đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, đồng thời phù hợp với khẩu vị, tập quán ăn uống của khách hàng.

+ Người học được cung cấp kiến thức cần thiết cho nghiệp vụ kỹ thuật chế biến món ăn như: Lý thuyết chế biến, xây dựng thực đơn, văn hóa ẩm thực, thực phẩm và sinh lý dinh dưỡng, kỹ thuật cắt tỉa và trang trí món ăn.....

+ Người học được cung cấp kiến thức về tổ chức làm việc theo nhóm và một số kiến thức quản lý kinh tế, quản lý nghiệp vụ chế biến món ăn như: quản trị tác nghiệp, hạch toán định mức, giao tiếp trong khách sạn du lịch...

+ Người học còn được cung cấp: các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, quốc phòng, giáo dục thể chất; các kiến thức về tin học, ngoại ngữ.

- Kỹ năng:

+ Sau khi học xong, người học có được các kỹ năng nghề nghiệp trong việc chế biến như sơ chế, cắt thái, phối hợp nguyên liệu, gia vị và các phương pháp chế biến món ăn.

+ Chế biến được các món ăn theo vùng, miền của Việt Nam, các món ăn cơ bản của châu Âu, châu Á, bánh và món ăn tráng miệng.

+ Thực hiện tốt nội quy vệ sinh an toàn thực phẩm và an toàn lao động.

+ Sáng tạo trong chế biến và trình bày món ăn.

+ Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và biết ứng dụng kỹ thuật, công nghệ, ngoại ngữ vào công việc.

+ Người học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học nâng cao trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

- Về thái độ:

+ Tôn trọng và sẵn sàng phục vụ khách hàng.

+ Cởi mở, thân tình với khách hàng

+ Chấp nhận yêu cầu, tiêu chuẩn đạo đức, chuyên môn nghề nghiệp.

+ Tích cực xây dựng đơn vị phát triển

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có được kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể đảm đương được các vị trí từ nhân viên sơ chế, nhân viên chế biến trực tiếp, thợ nấu chính và các công việc khác trong nhà bếp, có cơ hội trở thành ca trưởng, ca phó đến tổ trưởng các tổ (Sơ chế, cắt thái, sa lát, xốt, xúp, bánh và món ăn tráng miệng...) quản lý chế biến ... trong nhà bếp tùy theo khả năng cá nhân và yêu cầu của công việc cụ thể.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học: 29

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.730 giờ

- Khối lượng các môn học chung: 450 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.280 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 763 giờ, Thực hành, thực tập, thí nghiệm 1.967 giờ.

- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã môn	Tên môn học	TC Môn học	Thời gian học tập (giờ)				
				TC	ST	Trong đó		
						Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung		16	450	202	223	25
MH1	CBCT017	Chính trị	L/Thuyết	5	90	62	24	4
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	2	30	19	9	2
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết		60	4	50	6
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh	L/Thuyết		75	36	36	3
MH5	CNTH017	Tin học	T/Hợp	3	75	17	54	4
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	3	60	32	25	3
MH6	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	3	60	32	25	3
	II	Các môn học đào tạo ngành		65	1650	400	1114	136
	II.1	Các môn học cơ sở ngành		20	300	211	72	17
MH7	DLNA017	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng	L/Thuyết	3	45	12	28	5
MH8	MAKS017	Kỹ thuật sơ chế và bảo quản thực phẩm	L/Thuyết	2	30	28		2
MH9	MAHĐ017	Hạch toán định mức	L/Thuyết	2	30	20	8	2
MH10	MSXD017	Xây dựng thực đơn	L/Thuyết	3	45	35	8	2
MH11	MATY017	Tổ chức lao động và kỹ thuật nhà bếp	L/Thuyết	3	45	38	5	2
MH12	MATS017	Thực phẩm và sinh lý dinh dưỡng	L/Thuyết	4	60	44	14	2
MH13	MAVA017	Văn hóa ẩm thực	L/Thuyết	3	45	34	9	2
	II.2	Các môn học chuyên môn ngành		37	1185	130	952	103
MH14	KDSX017	Quản trị tác nghiệp	L/Thuyết	3	45	43		2
MH15	MALC017	Lý thuyết chế biến	L/Thuyết	3	45	43		2
MH16	MATV017	Thực hành chế biến món ăn Việt	T/Hành	6	240		225	15
MH17	MATA017	Thực hành chế biến món ăn Á	T/Hành	5	195		175	20
MH18	MADD017	Chế biến món ăn theo chế độ dinh dưỡng	T/Hành	2	60		50	10
MH19	MACT017	Kỹ thuật cắt tía và trang trí tiệc	T/Hợp	3	90		85	5
MH20	MATU017	Thực hành chế biến món ăn Âu	T/Hành	3	135		120	15
MH21	MATB017	Thực hành chế biến bánh	T/Hành	4	180		160	20
MH22	MATM017	Thực hành chế biến món ăn tráng miệng	T/Hành	2	60		50	10
MH23	NNAC017	Tiếng anh chuyên ngành chế biến	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH24	NNTC017	Thực hành tiếng anh chuyên ngành chế biến	T/Hành	3	90	14	74	2
	II.3	Môn học tự chọn		8	165	59	90	16
MH25	MAHC017	Thực hành chế biến món ăn chay	T/Hành	2	60		50	10
MH26	DLBR017	Kỹ thuật pha chế đồ uống	L/Thuyết	2	45	15	28	2
MH27	DLGH017	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	L/Thuyết	2	30	16	12	2
MH28	MABV017	Bảo vệ môi trường và an toàn trong nhà hàng	L/Thuyết	2	30	28		2
	MATN017	Thực tập tốt nghiệp		14	630	0	630	
		Tổng		95	2730	602	1967	161

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo nghề khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 247 /QĐ-TMDL ngày 15 tháng 08 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Mã ngành: 6810101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT và tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo các nhà kinh doanh du lịch lữ hành, hướng dẫn, có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh và sức khoẻ tốt; Có những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và kinh doanh, về chức năng, quá trình kinh doanh và quản trị ở các doanh nghiệp du lịch, lữ hành, nắm vững những kiến thức chuyên sâu về ngành và chuyên ngành kinh doanh lữ hành, hướng dẫn du lịch; có kỹ năng nghề nghiệp để vận dụng trong kinh doanh nói chung và thực hành tốt một số công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực đào tạo; có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế.

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

* Về kiến thức:

- Có kiến thức đại cương về xã hội và nhân văn làm nền tảng cho việc học tập.
- Trình bày được kiến thức về thiết kế chương trình du lịch, tổ chức xúc tiến, quảng cáo và bán sản phẩm, điều hành tổ chức thực hiện chương trình du lịch, thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các đối tác, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch

- Mô tả được những kiến thức cơ sở cần thiết cho nghiệp vụ lữ hành và nghiệp vụ hướng dẫn du lịch như các tài nguyên du lịch, các đặc điểm văn hóa Việt Nam, các tuyến điểm du lịch cơ bản, tâm lý khách du lịch, kỹ năng giao tiếp, thanh toán quốc tế trong du lịch

*** Về kỹ năng:**

- Hình thành cho người học kỹ năng nghề nghiệp của nghiệp vụ lữ hành như: thiết kế và xây dựng chương trình du lịch

- Có khả năng lập kế hoạch, điều hành các chương trình du lịch

- Vận dụng các kiến thức về xây dựng, tổ chức, thực hiện và bán các chương trình du lịch vào hoạt động nghề nghiệp.

- Sử dụng được ngoại ngữ giao tiếp thông thường và ngoại ngữ chuyên ngành hướng dẫn – lữ hành, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc

*** Về thái độ:**

- Rèn luyện cho người học lòng yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật.

- Có khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Nhân viên kinh doanh trong các công ty du lịch và công ty lữ hành, nhân viên marketing, nhân viên điều hành tour, nhân viên tư vấn bán các chương trình du lịch, nhân viên chăm sóc khách hàng, hướng dẫn viên du lịch tại các công ty du lịch, công ty lữ hành. Quản lý cấp trung và quản lý trực tiếp các bộ phận thị trường, điều hành, hướng dẫn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học: 29

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.715 giờ

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 450 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.265 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 787 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm 1.928 giờ.

- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã môn	Tên môn học	TC Môn học	Thời gian học tập (giờ)				
				TC	ST	Trong đó		
						Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung/ đại cương		16	450	202	223	25
MH1	CBCT017	Chính trị	L/Thuyết	5	90	62	24	4
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	2	30	19	9	2
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết		60	4	50	6
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh	L/Thuyết		75	36	36	3
MH5	CNTH017	Tin học	T/Hợp	3	75	17	54	4
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	3	60	32	25	3
MH6	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	3	60	32	25	3
	II	Các môn học chuyên ngành		65	1635	485	1075	75
	II.1	Các học phần kỹ thuật cơ sở		11	165	116	38	11
MH7	CBLD017	Luật du lịch	L/Thuyết	2	30	23	5	2
MH8	KDQH017	Quản trị học	L/Thuyết	2	30	21	7	2
MH9	CBTD017	Thống kê du lịch	L/Thuyết	3	45	32	10	3
MH10	DLTL017	Tâm lý du lịch	L/Thuyết	2	30	22	6	2
MH11	DLDL017	Địa lý du lịch	L/Thuyết	2	30	18	10	2
	II.2	Các môn học chuyên môn ngành		48	1320	320	942	58
MH12	DLKD017	Kinh tế du lịch	L/Thuyết	3	45	31	11	3
MH13	DLMD017	Marketing du lịch	L/Thuyết	3	45	32	10	3
MH14	DLTD017	Tuyến điểm du lịch	L/Thuyết	3	60	27	30	3
MH15	DLVD017	Văn hóa du lịch	L/Thuyết	4	75	45	27	3
MH16	DLGD017	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	L/Thuyết	2	30	16	12	2
MH17	DLTT017	Thanh toán quốc tế trong du lịch	L/Thuyết	2	30	18	10	2
MH18	DLLH017	Nghiệp vụ lễ hành	L/Thuyết	2	30	20	8	2
MH19	DLHL017	Thực hành nghiệp vụ lễ hành	T/Hành	4	180	12	160	8
MH20	DLND017	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	L/Thuyết	2	30	20	8	2
MH21	DLHD017	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	T/Hành	4	180	12	160	8
MH22	DLQT017	Quản trị kinh doanh lễ hành	L/Thuyết	4	75	45	26	4
MH23	DLNV117	Thực hành nghiệp vụ 1 (tại cơ sở)	T/Hành	4	180		170	10
MH24	DLNV217	Thực hành nghiệp vụ 2 (tại điểm du lịch)	T/Hành	4	180		180	
MH25	NNLH117	Tiếng Anh chuyên ngành Lễ hành- Hướng dẫn 1	L/Thuyết	3	45	32	10	3
MH26	NNLH217	Tiếng Anh chuyên ngành Lễ hành- Hướng dẫn 2	T/Hành	4	135	10	120	5
	II.3	Môn học tự chọn		6	150	49	95	6
MH27	DLPT017	Phong tục tập quán và lễ hội	L/Thuyết	2	45	13	30	2
MH28	DLST017	Du lịch sinh thái	L/Thuyết	2	30	23	5	2
MH29	DLTE017	Hoạt động Teambuilding	T/Hành	2	75	13	60	2
	DLTN017	Thực tập tốt nghiệp		14	630	0	630	
		Tổng		95	2715	687	1928	100

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Thực hành nghề tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế;

- Nội dung thực hành nghề tại cơ sở là bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

- Có thể phân bổ nội dung thực hành tại cơ sở theo ba hướng sau:

+ Người học thực hành tại các doanh nghiệp du lịch, có công việc phù hợp với nghề Lễ hành. Trong trường hợp này cần có giáo viên, hoặc người hướng dẫn (*có thể là người có kinh nghiệm, trình độ đang làm việc tại các cơ sở*) hướng dẫn người học;

+ Thực hành các nghiệp vụ lễ hành (*có giáo viên hướng dẫn*) tại các điểm tham quan, du lịch, các tuyến du lịch hoặc theo các chương trình du lịch;...

+ Kết hợp cả hai hình thức nói trên.

- Việc lựa chọn hình thức và phân bổ thời gian thực hành tại cơ sở tùy điều kiện từng trường có thể lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở hoặc chia thành các đợt thực hành nhưng phải đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 247 /QĐ-TMDL ngày 27 tháng 08 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành: Kế toán

Mã ngành: 6340301

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Kế toán, ngành Kế toán, trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; Có kiến thức về kế toán; Có kỹ năng cơ bản để thực hiện công tác kế toán nói chung và thực hành thành thạo các nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp và đơn vị Hành chính sự nghiệp; Có khả năng học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, chương trình này cũng nhằm giúp những cử nhân kế toán hệ đào tạo Cao đẳng chính quy có cơ hội học tiếp liên thông lên hệ Đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

+ Nhận biết được kiến thức cơ bản của các môn học đại cương; các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

+ Sau khi đào tạo đảm bảo người học hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính trong việc thực hiện nghề kế toán;

+ Vận dụng được các quy định về kế toán, kiểm toán trong việc thực hiện nghiệp vụ của nghề;

+ Vận dụng được tin học, ngoại ngữ vào thực hiện nghiệp vụ kế toán;

+ Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức kế toán vào thực tiễn;

+ Xác định cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp và tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;

+ Cập nhật các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;

+ Phân tích và đánh giá tình hình hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Lập chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán;

+ Sử dụng chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;

+ Tổ chức công tác tài chính kế toán phù hợp với từng doanh nghiệp và tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;

+ Lập báo cáo kế toán tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;

+ Thiết lập mối quan hệ với ngân hàng và các tổ chức tín dụng;

+ Sử dụng các phần mềm ứng dụng (như: Phần mềm Microsoft excel; Phần mềm kế toán) trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán doanh nghiệp và kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;

+ Kiểm tra, đánh giá công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;

+ Kỹ năng cung cấp thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;

+ Rèn luyện cho người học lòng yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp để thực hiện tốt các nhiệm vụ của nghề kế toán doanh nghiệp

+ Khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả;

+ Khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

- Về thái độ

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác;

+ Tuân thủ các quy định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi học xong nghề Kế toán, sinh viên có cơ hội:

- Thực hiện được công việc kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, kinh doanh dịch vụ và các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu;

- Thực hiện được công việc kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học : 30

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.715 giờ

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 450 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.265 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 939 giờ: Thực hành, thực tập, thực tế 1.776 giờ.

- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã MH	Tên môn học	TC Môn học	Thời gian học tập (giờ)				
				TC	ST	Trong đó		
						Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung/đại cương		16	450	202	223	25
MH1	CBCT017	Chính trị	L/Thuyết	5	90	62	24	4
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	2	30	19	9	2
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết		60	4	50	6
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh	L/Thuyết		75	36	36	3
MH5	CNTH017	Tin học	T/Hợp	3	75	17	54	4
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	3	60	32	25	3
MH6	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	3	60	32	25	3
	II	Các môn học chuyên ngành		65	1635	645	923	67
	II.1	Các học phần kỹ thuật cơ sở		16	300	184	101	15
MH7	KDKV017	Kinh tế học vi mô	L/Thuyết	3	60	39	18	3
MH8	CBLM017	Luật Kinh tế (luật thương mại)	L/Thuyết	2	30	19	9	2
MH9	KDQH017	Quản trị học	L/Thuyết	2	30	21	7	2
MH10	CBTE017	Thông kê kinh doanh	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH11	TCTT017	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	L/Thuyết	3	60	30	27	3
MH12	TCHT017	Lý thuyết hạch toán kế toán	L/Thuyết	3	75	45	27	3
	II.2	Các môn học chuyên môn ngành		42	1125	423	658	44
MH13	TCTK017	Tin học kế toán (bao gồm excel + phần mềm)	T/Hành	3	90		86	4
MH14	TCTU017	Thuế	L/Thuyết	2	45	25	18	2
MH15	TCCK017	Thị trường chứng khoán	L/Thuyết	3	60	37	20	3
MH16	TCPT017	Phân tích hoạt động kinh doanh	L/Thuyết	3	75	40	32	3
MH17	TCKQ017	Kế toán quản trị	L/Thuyết	2	45	28	15	2
MH18	TCKT017	Kiểm toán	L/Thuyết	2	45	30	13	2
MH19	TCTD017	Tài chính doanh nghiệp	T/Hợp	4	120	55	60	5
MH20	TCKC117	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	L/Thuyết	4	105	54	49	2
MH21	TCKC217	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	L/Thuyết	4	105	45	56	4
MH22	TCKC317	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	L/Thuyết	4	105	45	56	4
MH23	TCKC417	Kế toán tài chính doanh nghiệp 4	T/Hợp	4	120	40	76	4
MH24	TCTV117	Thực hành nghiệp vụ kế toán tài chính doanh nghiệp 1	T/Hành	2	60		56	4
MH25	TCTV217	Thực hành nghiệp vụ kế toán tài chính doanh nghiệp 2	T/Hành	2	75		73	2
MH26	TCAK017	Kế toán tài chính bằng tiếng Anh	L/Thuyết	3	75	25	47	3
	II.3	Môn học tự chọn		7	210	38	164	8
MH27	TCKM017	Kế toán thương mại	L/Thuyết	3	75	38	33	4
MH28	TCHM017	Thực hành kế toán trong doanh nghiệp Thương mại	T/Hành	4	135		131	4
MH29	TCKS017	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	L/Thuyết	3	75	38	33	4
MH30	TCHS017	Thực hành kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp	T/Hành	4	135		131	4
	TCTN017	Thực tập tốt nghiệp		14	630	0	630	
		Tổng		95	2715	848	1775	92

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo ngành khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Số lượng môn học tự chọn: 4 môn (14 tín chỉ) được tách chuyên sâu theo 2 chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Thương mại và Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp. Số lượng môn học tự chọn được sinh viên đăng ký tối đa là 2 môn (tương ứng 7 tín chỉ).

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 247 /QĐ-TMDL ngày 27 tháng 08 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)*

Tên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 6340404

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng đào tạo: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo các nhà quản trị có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh và sức khoẻ tốt; Có những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và kinh doanh, về chức năng, quá trình kinh doanh và quản trị ở các doanh nghiệp, nắm vững những kiến thức chuyên sâu về ngành và chuyên ngành như: quản trị chất lượng; quản trị mua; quản trị tiêu thụ hàng hoá, quản trị hàng tồn kho, quản trị nhân lực; có kỹ năng nghề nghiệp để vận dụng trong kinh doanh nói chung và thực hành tốt một số công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực đào tạo; có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc ngành Quản trị kinh doanh theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức, kỹ năng nghề

Kiến thức

- Có kiến thức đại cương về xã hội và nhân văn làm nền tảng cho việc học tập.
- Trình bày được các kiến thức cơ bản của các môn cơ sở ngành như: Quản trị học, Marketing căn bản, quản trị tài chính, luật thương mại, phân tích hoạt động kinh tế,....
- Vận dụng được những kiến thức về quản trị marketing, quản trị nguồn nhân lực, quản trị nghiệp vụ kinh doanh, thương mại điện tử, chiến lược kinh doanh tư vào các hoạt động của doanh nghiệp.
- Áp dụng được những kiến thức văn hóa, tâm lý kinh doanh để tham gia xây dựng hình ảnh của doanh nghiệp.
- Vận dụng các chức năng quản trị vào các hoạt động sản xuất kinh doanh

của doanh nghiệp đồng thời đẩy mạnh việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm, quản lý và phát triển thương hiệu ở doanh nghiệp

Kỹ năng

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu và phát triển thị trường cho doanh nghiệp.
- Phân tích được nguyên nhân của các hiện tượng kinh tế để đưa ra quyết định đúng đắn
 - Tham gia và phối hợp vào các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh
 - Kiểm tra, đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm sử dụng có hiệu quả các yếu tố trong sản xuất kinh doanh
 - Lập được các kế hoạch Mua hàng, dự trữ, bán hàng, kế hoạch marketing, kế hoạch nhân lực.
 - Thực hiện tìm kiếm, lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán, thương lượng, ký kết hợp đồng, quản trị kho, quản trị dự trữ hàng hóa: xác định số lượng dự trữ, lượng dự trữ hợp lý, tiếp nhận, bố trí, chăm sóc theo dõi kiểm kê hàng, xuất hàng
 - Thực hiện các nghiệp vụ trưng bày hàng hóa, chào hàng, bán và giới thiệu sản phẩm tại các cửa hàng bán lẻ, đại lý, siêu thị.
 - Tổ chức các chương trình chăm sóc khách hàng và tiếp cận khách hàng
 - Tạo lập và quản lý dự án kinh doanh riêng

1.2.2. Thái độ

- Có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập, ý thức chấp hành nội quy, quy chế.
- Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - văn hoá - xã hội, phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng, ý thức và kết quả tham gia các hoạt động tập thể, có thái độ hợp tác, chia sẻ trong thực hiện nhiệm vụ.
- Có động cơ làm việc trong sáng, có đạo đức lương tâm ngành nghiệp, sáng tạo trong công việc.
- Có tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại, giải quyết công việc khoa học, hợp lý.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị kinh doanh có khả năng làm nhân viên kinh doanh; nhân viên bán hàng, thủ kho, nhân viên cung ứng và giao nhận hàng hoá, nhân viên nghiên cứu thị trường, chăm sóc khách hàng, tiếp thị, quảng bá và phát triển sản phẩm. Trưởng ca; tổ trưởng hoặc trưởng hay phó các phòng chức năng ở các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế..

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học

- Số lượng môn học: 32
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khoá học: 2.730 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 450 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.280 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 911 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.819 giờ
- Thời gian khoá học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã môn	Tên môn học	TC môn học	Thời gian học tập (giờ)				
				TC	ST	Trong đó		
						Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung/đại cương		16	450	202	223	25
MH1	CBCT017	Chính trị	L/Thuyết	5	90	62	24	4
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	2	30	19	9	2
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết		60	4	50	6
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng – an ninh	L/Thuyết		75	36	36	3
MH5	CNTH017	Tin học	T/Hợp	3	75	17	54	4
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	3	60	32	25	3
MH6	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	3	60	32	25	3
	II	Các môn học chuyên ngành		65	1650	612	966	72
	II.1	Các môn học kỹ thuật cơ sở		27	570	263	281	26
MH7	KDKV017	Kinh tế học vi mô	L/Thuyết	3	60	39	18	3
MH8	CBCS017	Cơ sở pháp lý trong kinh doanh thương mại	L/Thuyết	3	60	30	28	2
MH9	KDLQ017	Lý thuyết quản trị	L/Thuyết	3	60	28	29	3
MH10	KDMC017	Marketing căn bản	L/Thuyết	2	30	20	8	2
MH11	TCQC017	Quản trị tài chính	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH12	TCQL017	Kế toán tài chính cho nhà quản lý	L/Thuyết	3	45	35	8	2
MH13	CBTE017	Thống kê kinh doanh	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH14	KDVH017	Văn hóa doanh nghiệp	L/Thuyết	2	45	23	20	2
MH15	NNAD017	Tiếng Anh kinh doanh	L/Thuyết	3	90	14	72	4
MH16	NNTD017	Thực hành tiếng Anh kinh doanh	T/Hành	2	90	14	72	4
	II.2	Các môn học chuyên môn ngành		28	870	253	583	34
MH17	KDQM017	Quản trị Marketing	L/Thuyết	3	90	28	59	3
MH18	KDQL017	Quản trị nguồn nhân lực	T/Hành	3	60	28	30	2
MH19	KDCT017	Cung ứng dịch vụ thương mại	L/Thuyết	2	60	18	39	3
MH20	KDQK017	Quản trị nghiệp vụ kinh doanh thương mại	L/Thuyết	4	105	43	58	4
MH21	KDMĐ017	Thương mại điện tử	T/Hành	3	105	25	75	5
MH22	KDCL017	Chiến lược kinh doanh	L/Thuyết	2	30	19	9	2
MH23	KDKS017	Khởi sự doanh nghiệp	T/Hành	2	90	22	65	3
MH24	KDTK017	Thực hành lập kế hoạch	T/Hành	4	150	15	130	5
MH25	KDQC017	Quản lý chất lượng hàng hóa dịch vụ	L/Thuyết	2	45	25	18	2
MH26	KDBS017	Bán hàng siêu thị	T/Hành	3	135	30	100	5
	II.3	Môn học tự chọn		10	210	96	102	12
MH27	CBTO017	Toán kinh tế	L/Thuyết	2	45	18	24	3
MH28	KDKQ017	Kinh doanh quốc tế	L/Thuyết	2	30	21	7	2
MH29	DLTK017	Tâm lý kinh doanh	L/Thuyết	2	30	22	6	2
MH30	CBST017	Soạn thảo văn bản	L/Thuyết	2	45	21	22	2
MH31	KDGT017	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	T/Hành	2	60	14	43	3
	KDTN017	Thực tập tốt nghiệp		14	630	0	630	0
		Tổng cộng		95	2730	814	1819	97

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ vào ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo ngành khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 247 /QĐ-TMDL ngày 27 tháng 08 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành: Tiếng Anh

Mã ngành: 6220206

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Tiếng Anh có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc.
- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc chuyên ngành Tiếng Anh theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1 Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- **Kiến thức:**

+ Có kiến thức đại cương về xã hội và nhân văn làm nền tảng cho việc học tập ngôn ngữ Tiếng Anh.

+ Có kiến thức cơ bản về bản chất và đặc điểm của Tiếng Anh như: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngôn ngữ chuẩn xác về các giấy tờ, văn bản, thư tín cũng như giao tiếp xã hội.

+ Có các kiến thức cơ bản về dịch thuật trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, kinh tế, thương mại, du lịch, giải trí.

- **Kỹ năng:**

+ Đạt kỹ năng sử dụng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ nâng cao tương đương chuẩn TOEIC 550 để phục vụ mục đích nghề nghiệp

+ Vận dụng được kiến thức đã học để thể hiện trong các tình huống giao tiếp xã hội.

+ Áp dụng được các phương pháp dịch thuật vào thực hành nghiệp vụ biên-phiên dịch Anh- Việt, Việt – Anh trong các lĩnh vực văn hóa- xã hội, kinh tế- thương mại, du lịch – giải trí ở mức độ đơn giản.

+ Vận dụng được kỹ năng cần thiết để hỗ trợ công tác hành chính, đối ngoại: soạn thảo văn thư bằng tiếng Anh, hướng dẫn khách nước ngoài tham quan công ty, ghi chép biên bản, điều hành một số cuộc họp.

+ Áp dụng các kỹ năng mềm cần thiết như: kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc đa văn hoá, kỹ năng thuyết trình, thuyết phục, kỹ năng chọn lựa và xử lý thông tin, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giải quyết vấn đề trong dịch thuật và giao tiếp, kỹ năng thích ứng với yêu cầu của công việc và của thị trường lao động.

+ Có kỹ năng học tập và tư duy khoa học để tiếp tục tự bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

+ Có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc trong nhóm, khả năng sáng tạo.

1.2.2 Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có trình độ lý luận chính trị theo chương trình quy định chung;

+ Có nhận thức đúng đắn về đường lối xây dựng và phát triển đất nước;

+ Hiểu biết về pháp luật và thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân;

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc chuyên nghiệp;

+ Có lối sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc;

+ Có thái độ tự tôn đối với văn hoá và ngôn ngữ của dân tộc đồng thời tôn trọng văn hoá và ngôn ngữ các dân tộc khác trên thế giới, góp phần vào quá trình phát triển và hội nhập của đất nước qua công tác dịch thuật;

+ Thể hiện ý thức tích cực học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để đáp ứng yêu cầu của công việc và của nhà tuyển dụng.

- Thể chất, quốc phòng:

- + Có kiến thức, kỹ năng cần thiết về thể dục, thể thao;
- + Nắm được các phương pháp rèn luyện thể chất để bảo vệ và tăng cường sức khoẻ, nâng cao thể lực đáp ứng yêu cầu của công việc.
- + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quốc phòng – an ninh, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Đại diện bán hàng cho các chi nhánh của các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
- Nhân viên, thư ký văn phòng cho các công ty có đối tác nước ngoài.
- Nhân viên thương vụ tại sân bay, lễ tân khách sạn hoặc công ty có người nước ngoài.

- Giáo viên dạy Tiếng Anh ở cấp Tiểu học và Trung học cơ sở sau khi có Chứng chỉ sư phạm

- Nhân viên phòng hợp tác quốc tế

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học: 29 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.745 giờ
- Khối lượng các môn học chung: 450 giờ
- Khối lượng các môn học đào tạo ngành: 2.295 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 837 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 1.908 giờ.
- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã môn	Tên môn học	TC Môn học	Thời gian học tập (giờ)				
				Số TC	Tổng số	Trong đó		
						Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung		16	450	202	224	24
MH1	CBCT017	Chính trị	L/Thuyết	5	90	62	24	4
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	2	30	19	9	2
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết		60	4	51	5
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh	L/Thuyết		75	36	36	3
MH5	CNTH017	Tin học	T/Hợp	3	75	17	54	4
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	3	60	32	25	3
MH6	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	3	60	32	25	3
	II	Các môn học đào tạo ngành		67	1665	538	1054	73
	II.1	Các môn học cơ sở ngành		23	435	253	162	20
MH7	MACV017	Cơ sở văn hóa Việt Nam	L/Thuyết	2	60	43	15	2
MH8	NNLN017	Dẫn luận ngôn ngữ	L/Thuyết	2	30	28		2
MH9	NNNA017	Ngữ âm Tiếng Anh	L/Thuyết	3	60	30	26	4
MH10	NNNP017	Ngữ pháp Tiếng Anh	L/Thuyết	3	90	14	74	2
MH11	NNKG017	Kỹ năng Nghe	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH12	NNKN017	Kỹ năng Nói	L/Thuyết	4	60	48	8	4
MH13	NNKD017	Kỹ năng Đọc	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH14	NNKV017	Kỹ năng Viết	L/Thuyết	3	45	30	13	2
	II.2	Các môn học chuyên môn ngành		35	1020	195	780	45
MH15	NNHG017	Thực hành kỹ năng Nghe	T/Hành	3	90	14	72	4
MH16	NNHN017	Thực hành kỹ năng Nói	T/Hành	3	135	14	116	5
MH17	NNHD017	Thực hành kỹ năng Đọc	T/Hành	3	90	14	72	4
MH18	NNHV017	Thực hành kỹ năng Viết	T/Hành	3	90	14	72	4
MH19	NNDH117	Dịch 1	L/Thuyết	4	90	30	56	4
MH20	NNDH217	Dịch 2	L/Thuyết	3	90	14	72	4
MH21	NNAM017	Văn hóa Anh Mỹ	L/Thuyết	2	60	14	42	4
MH22	NNKT017	Kỹ năng thuyết trình	L/Thuyết	2	60	14	42	4
MH23	NNKP017	Kỹ năng trả lời phỏng vấn Tiếng Anh	L/Thuyết	2	60	10	46	4
MH24	NNTA017	Thư tín Tiếng Anh	L/Thuyết	3	75	15	58	2
MH25	NNNT017	Ngoại ngữ 2- (Tiếng Trung, Tiếng Pháp)	L/Thuyết	3	90	12	76	2
MH26	NNTV017	Từ vựng Tiếng Anh	L/Thuyết	4	90	30	56	4
	II.3	Môn học tự chọn		9	210	90	112	8
MH27	NNTM017	Tiếng Anh thương mại	L/Thuyết	3	75	30	43	2
MH28	NNDL017	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	L/Thuyết	3	75	30	43	2
MH29	NNGT017	Giao tiếp kinh doanh	L/Thuyết	3	60	30	26	4
	NNTN017	Thực tập tốt nghiệp		14	630	0	630	
		Tổng		97	2745	740	1908	97

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chương trình chi tiết của các môn học được xác định dựa trên phiếu phân tích ngành, phân tích công việc ngành Tiếng Anh.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 247 /QĐ-TMDL ngày 27 tháng 08 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành:	Phiên dịch tiếng Anh Thương mại
Mã ngành đào tạo:	6220202
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT và tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình nhằm đào tạo các cử nhân có trình độ Cao đẳng ngành Phiên dịch tiếng Anh thương mại, có phẩm chất chính trị đạo đức, có tinh thần trách nhiệm cao, có sức khỏe tốt và có khả năng về chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng để có thể đảm nhận nhiệm vụ tại các công ty, xí nghiệp, các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước có sử dụng tiếng Anh.

Sinh viên có thể sử dụng bốn kỹ năng tiếng Anh tổng quát (nghe, nói, đọc, viết) và tiếng Anh thương mại nền tảng để giao tiếp trong công việc văn phòng hay kinh doanh

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc ngành Phiên dịch tiếng anh thương mại theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

+ Nhận biết được kiến thức cơ bản của các môn học đại cương; các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

+ Sử dụng thành thạo kỹ năng tiếng Anh trong văn phòng và giao dịch trong môi trường kinh tế - xã hội.

+ Phân biệt được bản chất và đặc điểm của ngôn ngữ.

+ Hiểu biết chung về văn hoá xã hội, phong tục Việt Nam và các nước bản ngữ và kiến thức về giao thoa văn hoá trong môi trường giao tiếp, kinh doanh quốc tế.

+ Vận dụng được kiến thức đại cương về ngôn ngữ tiếng Anh và chuyên môn nghiệp vụ nghề phiên dịch tiếng Anh thương mại.

- Kỹ năng:

+ Đạt kỹ năng sử dụng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ nâng cao tương đương chuẩn TOEIC 550 để phục vụ mục đích nghề nghiệp.

- + Sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp thương mại
- + Áp dụng kiến thức về kỹ thuật dịch để thực hiện các nhiệm vụ phiên dịch như:

- + Phiên dịch trong các bối cảnh giao tiếp thương mại, mua bán sản phẩm, họp cơ quan, hội nghị, đàm phán, bài phát biểu, họp báo

- + Sử dụng tiếng Anh để hỗ trợ công tác hành chính, đối ngoại: soạn thảo văn thư bằng tiếng Anh, hướng dẫn khách nước ngoài tham quan công ty, ghi chép biên bản, điều hành một số cuộc họp;

- + Sử dụng thành thạo công cụ kỹ thuật, công nghệ và phương tiện truyền thông hiện đại phục vụ công việc chuyên môn và học tập;

- + Có một số kỹ năng mềm cần thiết như kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc đa văn hoá, kỹ năng thuyết trình, thuyết phục, kỹ năng chọn lựa và xử lý thông tin, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giải quyết vấn đề trong dịch thuật và giao tiếp, kỹ năng thích ứng với yêu cầu của công việc và của thị trường lao động;

- + Có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc trong nhóm; khả năng sáng tạo.

- Về thái độ

- + Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc chuyên nghiệp;

- + Có lối sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc;

- + Thể hiện ý thức tích cực học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để đáp ứng yêu cầu của công việc và của nhà tuyển dụng.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên cao đẳng ngành Phiên dịch tiếng Anh thương mại làm việc tại các vị trí sau:

- Nhân viên văn phòng làm việc trong các lĩnh vực như hành chính, kinh doanh, dịch vụ

- Nhân viên lễ tân tại khách sạn, doanh nghiệp

- Trợ lý giám đốc

- Nhân viên bộ phận nghiên cứu thị trường

- Các văn phòng đại diện, các cơ quan văn hóa, giáo dục.

- Thư ký văn phòng

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 30

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.745 giờ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 450 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.295 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 827 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.918 giờ

- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã môn	Tên môn học	TC Môn học	TC	Thời gian học tập (giờ)			
					Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung		16	450	202	224	24
MH1	CBCT017	Chính trị	L/Thuyết	5	90	62	24	4
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	2	30	19	9	2
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết		60	4	51	5
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh	L/Thuyết		75	36	36	3
MH5	CNTH017	Tin học	T/Hợp	3	75	17	54	4
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	3	60	32	25	3
MH6	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	3	60	32	25	3
	II	Các môn học đào tạo ngành		67	1665	528	1064	73
	II.1	Các học phần cơ sở ngành		21	375	202	155	18
MH7	KDTQ017	Tổng quan kinh doanh Thương mại	L/Thuyết	2	30	20	8	2
MH8	NNNA017	Ngữ âm Tiếng Anh	L/Thuyết	3	60	30	26	4
MH9	NNNP017	Ngữ pháp Tiếng Anh	L/Thuyết	3	90	14	74	2
MH10	NNKG017	Kỹ năng Nghe	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH11	NNKN017	Kỹ năng Nói	L/Thuyết	4	60	48	8	4
MH12	NNKD017	Kỹ năng Đọc	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH13	NNKV017	Kỹ năng Viết	L/Thuyết	3	45	30	13	2
	II.2	Các môn học chuyên ngành		34	975	238	696	41
MH14	NNHG017	Thực hành kỹ năng Nghe	T/Hành	3	90	14	72	4
MH15	NNHN017	Thực hành kỹ năng Nói	T/Hành	3	135	14	116	5
MH16	NNHD017	Thực hành kỹ năng Đọc	T/Hành	3	90	14	72	4
MH17	NNHV017	Thực hành kỹ năng Viết	T/Hành	3	90	14	72	4
MH18	NNKT017	Kỹ năng thuyết trình	L/Thuyết	2	60	14	42	4
MH19	NNTM017	Tiếng Anh Thương mại	L/Thuyết	3	75	30	43	2
MH20	NNHM017	Thực hành Tiếng Anh chuyên ngành Thương mại	T/Hành	3	120	14	102	4
MH21	NNLP017	Lý thuyết phiên dịch	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH22	NNDM017	Thực hành Phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành Thương mại	T/Hành	3	135	14	116	5
MH23	NNGT017	Giao tiếp kinh doanh	L/Thuyết	3	60	30	26	4
MH24	NNGB017	Tiếng Anh trong giao dịch bán hàng	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH25	NNTT017	Thư tín tiếng Anh Thương mại	L/Thuyết	2	30	20	9	1
	II.3	Môn học bổ trợ/tự chọn		12	315	88	213	14
MH26	KDKX017	Kinh doanh xuất nhập khẩu	T/Hành	2	90	14	72	4
MH27	KDTT017	Thanh toán quốc tế	L/Thuyết	2	30	18	10	2
MH28	NNNT017	Ngoại ngữ 2- (Tiếng Trung, Tiếng Pháp)	L/Thuyết	3	90	12	76	2
MH29	NNTQ017	Tiếng Anh Tiếp thị Kinh doanh và Quảng cáo	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH30	NNAM017	Văn hóa Anh Mỹ	L/Thuyết	2	60	14	42	4
	NNTN017	Thực tập tốt nghiệp		14	630	0	630	
		Tổng		97	2745	730	1918	97

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 247 /QĐ-TMDL ngày 27 tháng 08 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành: Phiên dịch tiếng Anh Du lịch

Mã ngành: 6220203

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 03 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo sinh viên tốt nghiệp ngành Phiên dịch tiếng Anh Du lịch, trình độ cao đẳng: có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; Có kiến thức, kỹ năng tiếng Anh nói chung và tiếng Anh trong lĩnh vực Du lịch nói riêng; Có thể sử dụng tiếng Anh để giao tiếp trong các ngành dịch vụ Du lịch; Có kiến thức cơ bản về hướng dẫn Du lịch, nghiệp vụ phục vụ khách sạn, nhà hàng; Có khả năng học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh Du lịch trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, chương trình này cũng nhằm giúp những sinh viên ngành Phiên dịch tiếng Anh Du lịch hệ đào tạo Cao đẳng chính quy có cơ hội học tiếp liên thông lên hệ Đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Hiểu được những kiến thức cơ bản về lý thuyết dịch, kỹ thuật dịch, mục đích, bản chất, phạm vi và nguyên tắc của công việc thông dịch.

+ Phân biệt được các bình diện ngôn ngữ (hệ thống ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) tiếng Anh, đặc biệt là được trang bị kiến thức tiếng Anh về chuyên ngành Du lịch.

+ Nhận biết được bản chất và đặc điểm của ngôn ngữ Anh.

+ Có kiến thức đại cương về xã hội và nhân văn làm nền tảng cho việc học tập ngôn ngữ tiếng Anh và chuyên môn nghiệp vụ ngành Phiên dịch tiếng Anh Du lịch.

+ Có hiểu biết chung về văn hoá Việt Nam và một số nước nói tiếng Anh trên thế giới.

+ Có kiến thức tổng quan cần thiết về lĩnh vực Du lịch, nghiệp vụ khách sạn, nhà hàng, nghiệp vụ hướng dẫn Du lịch.

- Kỹ năng:

+ Đạt kỹ năng sử dụng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ nâng cao tương đương chuẩn TOEIC 550 để phục vụ mục đích nghề nghiệp.

+ Áp dụng kiến thức về lý thuyết dịch và kỹ thuật dịch để thực hiện các nhiệm vụ thông dịch, chủ yếu bao gồm: Dịch các thông tin quảng cáo; Thuyết minh; Phiên dịch các điểm đến du lịch. Thông dịch trong các bối cảnh giao tiếp Du lịch và đời sống xã hội ở mức cơ bản: họp cơ quan, hội nghị, bài phát biểu, họp báo, khoá đào tạo Du lịch.

+ Sử dụng thành thạo công cụ kỹ thuật, công nghệ và phương tiện truyền thông hiện đại phục vụ công việc chuyên môn và học tập.

+ Áp dụng được một số kỹ năng mềm cần thiết như kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc đa văn hoá, kỹ năng thuyết trình, thuyết phục, kỹ năng chọn lựa và xử lý thông tin, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giải quyết vấn đề trong dịch thuật và giao tiếp, kỹ năng thích ứng với yêu cầu của công việc và của thị trường lao động; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

+ Có kỹ năng học tập và tư duy khoa học để tiếp tục tự bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

+ Có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc trong nhóm; khả năng sáng tạo.

1.2.2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có trình độ lý luận chính trị theo chương trình quy định chung.

+ Có nhận thức đúng đắn về đường lối xây dựng và phát triển đất nước.

+ Hiểu biết về pháp luật và thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân.

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

+ Có lối sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc.

+ Có thái độ tự tôn đối với văn hoá và ngôn ngữ của dân tộc đồng thời tôn trọng văn hoá và ngôn ngữ các dân tộc khác trên thế giới, góp phần vào quá trình phát triển và hội nhập của đất nước qua công tác dịch thuật.

+ Thể hiện ý thức tích cực học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để đáp ứng yêu cầu của công việc và của nhà tuyển dụng.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có kiến thức, kỹ năng cần thiết về thể dục, thể thao.

+ Nắm được các phương pháp rèn luyện thể chất để bảo vệ và tăng cường sức khoẻ, nâng cao thể lực đáp ứng yêu cầu của công việc.

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quốc phòng – an ninh, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Phiên dịch tiếng Anh Du lịch hệ cao đẳng có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Thông dịch viên trong lĩnh vực Du lịch (mức độ trung cấp).

- Hướng dẫn viên du lịch.

- Tiếp tân khách sạn hoặc công ty.

- Nhân viên phòng hợp tác quốc tế.

- Nhân viên làm việc trong các ngành dịch vụ Du lịch.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 29

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.745 giờ

+ Khối lượng các môn học chung: 450 giờ

+ Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.295 giờ;

- Khối lượng lý thuyết: 796 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 1.949 giờ.

- Thời gian khóa học: 03 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã môn	Tên môn học	TC Môn học	Thời gian học tập (giờ)				
				TC	ST	Trong đó		
						Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung		16	450	202	224	24
MH1	CBCT017	Chính trị	L/Thuyết	5	90	62	24	4
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	2	30	19	9	2
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết		60	4	51	5
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh	L/Thuyết		75	36	36	3
MH5	CNTH017	Tin học	T/Hợp	3	75	17	54	4
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	3	60	32	25	3
MH6	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	3	60	32	25	3
	II	Các môn học đào tạo ngành		65	1665	499	1095	71
	II.1	Các môn học cơ sở ngành		19	345	182	147	16
MH7	NNNA017	Ngữ âm Tiếng Anh	L/Thuyết	3	60	30	26	4
MH8	NNNP017	Ngữ pháp Tiếng Anh	L/Thuyết	3	90	14	74	2
MH9	NNKG017	Kỹ năng Nghe	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH10	NNKN017	Kỹ năng Nói	L/Thuyết	4	60	48	8	4
MH11	NNKD017	Kỹ năng Đọc	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH12	NNKV017	Kỹ năng Viết	L/Thuyết	3	45	30	13	2
	II.2	Các môn học chuyên ngành		35	1020	233	745	42
MH13	NNHG017	Thực hành kỹ năng Nghe	T/Hành	3	90	14	72	4
MH14	NNHN017	Thực hành kỹ năng Nói	T/Hành	3	135	14	116	5
MH15	NNHD017	Thực hành kỹ năng Đọc	T/Hành	3	90	14	72	4
MH16	NNHV017	Thực hành kỹ năng Viết	T/Hành	3	90	14	72	4
MH17	NNAD017	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	L/Thuyết	3	75	30	43	2
MH18	NNAN017	Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	L/Thuyết	3	45	31	12	2
MH19	NNNH017	Thực hành tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	T/Hành	3	90	14	72	4
MH20	NNAS017	Tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH21	NNHS017	Thực hành tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn	T/Hành	3	120	14	102	4
MH22	NNKT017	Kỹ năng thuyết trình	L/Thuyết	2	60	14	42	4
MH23	NNLP017	Lý thuyết phiên dịch	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH24	NNHP017	Thực hành phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	T/Hành	3	135	14	116	5
	II.3	Các môn học tự chọn		11	300	84	203	13
MH25	DLND017	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	L/Thuyết	2	30	28	0	2
MH26	DLNS017	Nghiệp vụ phục vụ khách sạn nhà hàng	L/Thuyết	2	30	20	9	1
MH27	DLHS017	Thực hành nghiệp vụ phục vụ khách sạn - nhà hàng	T/Hành	2	90	10	76	4
MH28	NNNT017	Ngoại ngữ 2- (Tiếng Trung, Tiếng Pháp)	L/Thuyết	3	90	12	76	2
MH29	NNAM017	Văn hóa Anh Mỹ	L/Thuyết	2	60	14	42	4
	NNTN017	Thực tập tốt nghiệp		14	630	0	630	
		Tổng		95	2745	701	1949	95

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 5 giờ

Mỗi môn học có từ 2 đơn vị học trình (*cứ 15 giờ học là 01 đơn vị học trình*)

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 247 /QĐ-TMDL ngày 15 tháng 08 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành:	Kinh doanh thương mại
Mã ngành đào tạo:	6340101
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT và tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo các cán bộ, nhân viên kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh và sức khỏe tốt có nền tảng kiến thức cơ bản để hiểu biết các vấn đề về kinh tế - xã hội, có kiến thức cơ sở ngành vững chắc làm cơ sở cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành, có kỹ năng cơ bản để tổ chức thực hiện và kiểm soát các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Sau khi tốt nghiệp cao đẳng, người học có khả năng theo học các hệ cao hơn như đại học, sau đại học theo đúng chuyên ngành Kinh doanh thương mại hoặc theo chuyên ngành Quản trị kinh doanh thương mại.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chương trình này, người học có những khả năng:

* Về kiến thức:

- Có kiến thức đại cương về xã hội và nhân văn làm nền tảng cho việc học tập.
- Trình bày được các kiến thức cơ bản của các môn cơ sở ngành Kinh doanh thương mại như: Tổng quan kinh doanh thương mại, Kinh tế thương mại, Marketing căn bản, Tài chính doanh nghiệp, Cơ sở pháp lý trong kinh doanh thương mại,;
- Liên hệ và áp dụng được các kiến thức của các môn học cơ sở bên trên vào trong các môn học chuyên ngành Kinh doanh thương mại;
- Phân biệt được các kiến thức chuyên môn cơ bản về kinh doanh thương mại truyền thống và kinh doanh thương mại hiện đại;
- Áp dụng được những kiến thức văn hóa doanh nghiệp, tâm lý kinh doanh để tham gia xây dựng hình ảnh của doanh nghiệp, tăng uy tín và sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường;
- Vận dụng các kiến thức chuyên ngành về kinh doanh thương mại thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh như mua, bán, dự trữ, vận chuyển

* Về kỹ năng:

- Thực hiện được các nghiệp vụ kinh doanh cụ thể như mua hàng, bán hàng, nhập – xuất kho hàng hóa ...;
- Triển khai các hoạt động nghiên cứu thị trường và phát triển thị trường cho doanh nghiệp;
- Tham gia tổ chức kênh phân phối cho một sản phẩm cụ thể;
- Thực hiện tìm kiếm, lựa chọn nhà cung cấp cho hoạt động mua hàng;
 - Tham gia đàm phán, thương lượng, ký kết hợp đồng trong kinh doanh;
- Thực hiện các nghiệp vụ trưng bày hàng hóa, chào hàng, bán và giới thiệu sản phẩm tại các cửa hàng bán lẻ, đại lý, siêu thị;
- Tổ chức các chương trình chăm sóc khách hàng và tiếp cận khách hàng;
- Đọc hiểu và soạn thảo được các văn bản kinh doanh (báo giá, chào hàng, hợp đồng, thư tín thương mại...);
- Tự tạo lập tổ chức kinh doanh;
- Có khả năng làm việc theo nhóm và kỹ năng hợp tác trong tác nghiệp;
- Có khả năng thuyết trình, giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh.

*** Về thái độ:**

- Có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập, ý thức chấp hành nội quy, quy chế.
- Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - văn hoá - xã hội, phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng, ý thức và kết quả tham gia các hoạt động tập thể, có thái độ hợp tác, chia sẻ trong thực hiện nhiệm vụ.
- Có động cơ làm việc trong sáng, có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, sáng tạo trong công việc.
- Có tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại, giải quyết công việc khoa học, hợp lý.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc trong bộ phận kinh doanh của các cơ quan, tổ chức thuộc các ngành kinh tế khác nhau, tại các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thương mại - dịch vụ, doanh nghiệp xuất nhập khẩu, hoặc tự tổ chức kinh doanh.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 33
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.760 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 450 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.310 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 931 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.814 giờ
- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã môn	Tên môn học		TC	Thời gian học tập (giờ)			
					Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học đại cương		16	450	202	223	25
MH1	CBCT017	Chính trị	L/Thuyết	5	90	62	24	4
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	2	30	19	9	2
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết		60	4	50	6
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh	L/Thuyết		75	36	36	3
MH5	CNTH017	Tin học	T/Hợp	3	75	17	54	4
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	3	60	32	25	3
MH6	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	3	60	32	25	3
	II	Các môn học chuyên ngành		65	1680	623	961	81
	II.1	Các môn học cơ sở ngành		26	600	243	329	28
MH7	KDKV017	Kinh tế học vi mô	L/Thuyết	3	60	39	18	3
MH8	KDKM017	Kinh tế thương mại	L/Thuyết	2	45	20	23	2
MH9	CBCS017	Cơ sở pháp lý trong kinh doanh thương mại	L/Thuyết	3	60	30	28	2
MH10	KDTQ017	Tổng quan kinh doanh thương mại	L/Thuyết	2	30	20	8	2
MH11	KDMC017	Marketing căn bản	L/Thuyết	2	30	21	7	2
MH12	TCQC017	Quản trị tài chính	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH13	CBTE017	Thống kê kinh doanh	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH14	KDMĐ017	Thương mại điện tử	T/Hành	3	105	25	75	5
MH15	NNAD017	Tiếng Anh kinh doanh	L/Thuyết	3	90	14	72	4
MH16	NNTD017	Thực hành Tiếng Anh kinh doanh	T/Hành	2	90	14	72	4
	II.2	Các môn học chuyên môn ngành		27	765	270	458	37
MH17	KDQC017	Quản lý chất lượng hàng hóa dịch vụ	L/Thuyết	2	45	25	18	2
MH18	KDKH017	Khoa học hàng hóa	L/Thuyết	3	60	30	27	3
MH19	KDMM017	Marketing thương mại	L/Thuyết	2	30	20	8	2
MH20	KDBS017	Bán hàng siêu thị	T/Hành	3	135	30	100	5
MH21	KDHD117	Hậu cần kinh doanh 1	L/Thuyết	2	30	20	8	2
MH22	KDHD217	Hậu cần kinh doanh 2	T/Hành	3	90	30	55	5
MH23	KDNB017	Nghiệp vụ bán hàng	L/Thuyết	3	60	30	27	3
MH24	KDKX017	Kinh doanh xuất nhập khẩu	T/Hành	2	90	20	65	5
MH25	KDPP017	Tổ chức kênh phân phối	T/Hợp	2	45	15	28	2
MH26	KDTH017	Nghiệp vụ thanh toán trong kinh doanh	T/Hành	2	45	20	22	3
MH27	KDTM017	Thực hành kinh doanh thương mại	T/Hành	3	135	30	100	5
	II.3	Môn học tự chọn		12	315	110	174	16
MH28	CBTO017	Toán kinh tế	L/Thuyết	2	45	18	24	3
MH29	DLTK017	Tâm lý kinh doanh	L/Thuyết	2	30	21	7	2
MH30	KDVH017	Văn hóa doanh nghiệp	L/Thuyết	2	45	20	8	2
MH31	CBST017	Soạn thảo văn bản	L/Thuyết	2	45	15	27	3
MH32	KDKS017	Khởi sự doanh nghiệp	T/Hành	2	90	22	65	3
MH33	KDGT017	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	T/Hành	2	60	14	43	3
	KDTN017	Thực tập tốt nghiệp		14	630	0	630	0
		Tổng		95	2760	825	1814	106

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo ngành khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 247 /QĐ-TMDL ngày 15 tháng 08 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành: Thương mại điện tử

Mã ngành: 6340122

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT và tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo các nhà kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về kinh tế, thương mại điện tử, nghiên cứu thị trường; các kỹ năng cơ bản để tổ chức thực hiện và kiểm soát các hoạt động kinh doanh thương mại điện tử của doanh nghiệp. Có kiến thức chuyên sâu về ngành và chuyên ngành như: Thanh toán điện tử, Marketing điện tử, Đồ họa ứng dụng; Tác nghiệp thương mại điện tử, quản trị Website; có kỹ năng nghề nghiệp để vận dụng trong vào hoạt động kinh doanh và thực hành tốt một số công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực đào tạo.

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc ngành Thương mại điện tử theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

* Về kiến thức:

- Nhận biết được kiến thức cơ bản của các môn học đại cương, các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

- Trình bày được các kiến thức cơ bản của các môn cơ sở ngành như: Quản trị học, Marketing căn bản, Pháp luật thương mại điện tử. Thương mại điện tử căn bản...

- Phân biệt được các kiến thức chuyên môn cơ bản về kinh doanh thương mại truyền thống và kinh doanh thương mại điện tử

- Vận dụng các kiến thức về thương mại điện tử thực hiện các giao dịch kinh doanh trên mạng từ giao dịch, ký kết, thực hiện đặt hàng, mua hàng, giao dịch với khách hàng, thanh toán, Marketing thương mại điện tử, quản trị Website...

- Vận dụng các kiến thức về mạng máy tính, an ninh mạng và chữ ký số trong quản trị mạng, bảo mật và bảo toàn thông tin.

*** Về kỹ năng:**

- Thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh cụ thể trong giao dịch ký kết hợp đồng mua bán, thanh toán, giao nhận hàng hóa..

- Thực hiện tổ chức kinh doanh trên mạng Internet, sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm trên Internet, khai thác thông tin mở rộng thị trường kinh doanh, thực hiện thành thạo các giao dịch thương mại điện tử: B2B, B2C, C2C..

- Thiết kế, khai thác, bảo trì Website thương mại phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: tìm kiếm khách hàng, nhà cung cấp hàng hóa trong nước và trên thế giới, cung cấp thông tin, giới thiệu sản phẩm...

- Vận dụng các công cụ của E - Marketing để tiếp thị, quảng cáo hàng hóa

- Có khả năng làm việc theo nhóm, làm báo cáo, trình diễn và tiến hành truyền thông TMĐT của doanh nghiệp

- Có khả năng giao tiếp, thuyết phục khách hàng

*** Về thái độ**

- Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, trung thực, tỉ mỉ, chính xác.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi học xong, sinh viên có khả năng làm việc tại các bộ phận trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, làm việc tại các bộ phận chức năng khác nhau của doanh nghiệp ứng dụng TMĐT như: Bộ phận quản trị website, quản trị hệ thống thông tin của doanh nghiệp ứng dụng TMĐT; Bộ phận quản trị hoạt động tác nghiệp kinh doanh điện tử như: marketing và quan hệ khách hàng, logistics, kinh doanh, thanh toán điện tử...

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học: 32

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.745 giờ

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 450 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.295 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 874 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm 1.871 giờ.

- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

MH	Mã môn	Tên môn học	TC môn học	Thời gian học tập (giờ)				
				TC	LT	Trong đó		
						Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung		16	450	202	223	25
MH1	CBCT017	Chính trị	L/Thuyết	5	90	62	24	4
MH2	CBPL017	Pháp luật	L/Thuyết	2	30	19	9	2
MH3	GDTC017	Giáo dục thể chất	L/Thuyết		60	4	50	6
MH4	GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh	L/Thuyết		75	36	36	3
MH5	CNTH017	Tin học	T/Hợp	3	75	17	54	4
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	L/Thuyết	3	60	32	25	3
MH6	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	L/Thuyết	3	60	32	25	3
	II	Các môn học đào tạo ngành		65	1665	561	1018	86
	II.1	Các môn học cơ sở ngành		21	360	214	127	19
MH7	KDKV017	Kinh tế vi mô	L/Thuyết	3	60	39	18	3
MH8	KDLQ017	Lý thuyết quản trị	L/Thuyết	3	60	28	29	3
MH9	KDMC017	Marketing căn bản	L/Thuyết	2	30	21	7	2
MH10	TCQC017	Quản trị tài chính	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH11	CBPD017	Pháp luật thương mại điện tử	L/Thuyết	2	30	21	7	2
MH12	CBTE017	Thông kê kinh doanh	L/Thuyết	3	45	30	13	2
MH13	CNMM017	Mạng máy tính	T/Hợp	2	45	15	27	3
MH14	KDTB017	Thương mại điện tử căn bản	L/Thuyết	3	45	30	13	2
	II.2	Các môn học chuyên môn ngành		34	1065	270	741	54
MH15	CNDH017	Đồ họa ứng dụng thương mại điện tử	T/Hợp	3	90	20	64	6
MH16	KDDD017	Thương mại di động	L/Thuyết	2	30	20	8	2
MH17	CNTW017	Thiết kế Website	T/Hợp	3	60	30	27	3
MH18	KDTĐ017	Thanh toán điện tử	L/Thuyết	3	45	33	10	2
MH19	KĐĐT117	Tác nghiệp thương mại điện tử 1	T/Hành	3	90	20	65	5
MH20	KĐĐT217	Tác nghiệp thương mại điện tử 2	T/Hợp	4	180	20	150	10
MH21	KDMT017	Marketing thương mại điện tử	T/Hành	3	135	25	105	5
MH22	KDWS017	Quản trị Website	T/Hành	2	90	20	65	5
MH23	CNAS017	An toàn thông tin và chữ ký số	T/Hợp	2	45	15	28	2
MH24	NNAD017	Tiếng Anh kinh doanh	L/Thuyết	3	90	14	72	4
MH25	NNTD017	Thực hành Tiếng Anh kinh doanh	T/Hành	2	90	14	72	4
MH26	KDCP017	Chính phủ điện tử	L/Thuyết	2	30	22	6	2
MH27	CNVP017	Tin văn phòng	T/Hợp	2	90	17	69	4
	II.3	Môn học tự chọn		10	240	77	150	13
MH28	KDGT017	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	T/Hành	2	60	14	43	3
MH29	KDEL017	Hậu cần thương mại điện tử (E – Logistics)	L/Thuyết	2	30	18	10	2
MH30	KDTM017	Thư tín thương mại	T/Hành	2	60	14	43	3
MH31	CNHT017	Hệ thống thông tin quản lý	T/Hợp	2	45	15	28	2
MH32	CNQM017	Quản trị mạng	T/Hợp	2	45	16	26	3
	KDTN017	Thực tập tốt nghiệp		14	630	0	630	
		Tổng		95	2745	763	1871	111

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;